TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀ BÌNH** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:13/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26-02-2024

V/v Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Xuyên

Các hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Tô Hùng Dũng

2/- Ông Liêu Tài Ngoánh

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Kiên- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 304/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXX-ST ngày 04 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp X, xã R, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp X, xã R, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(*Chị T có đơn xin vắng mặt, anh Q vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 08 năm 2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Q xây dựng hôn nhân gia đình vào năm 2009, đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã R, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Quá trình chung sống chị T và anh Q có 02 (hai) con chung tên: Nguyễn Phước L, sinh ngày 01/01/2010; Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 18/10/2016. Hiện cháu L và cháu T1 đang sống cùng với chị T.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị T và anh Q là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xung đột, cự cải nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 07 năm 2019 đến nay.

Nay, chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q; Về con chung: Yêu cầu nuôi con chung là các cháu Nguyễn Phước L, sinh ngày 01/01/2010; Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 18/10/2016, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị T không còn có yêu cầu gì khác.

Đối với anh Nguyễn Văn Q không có lời trình bày tại Toà án, đồng thời, anh Q cũng không cung cấp cho Toà án tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị T theo quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của thủ tục tố tụng dân sự cho anh Q, nhưng anh Q không đến Tòa án. Vì vậy, theo quy định của pháp luật nếu bị đơn không cung cấp, tài liệu, chứng cứ cũng như ý kiến của mình thì Toà án căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

* Về tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề xuất: Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Phước L, sinh ngày 01/01/2010 và cháu Nguyễn Hữu T1 , sinh ngày 18/10/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị T không yêu cầu. Anh Nguyễn Văn Q được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Văn Q, nên đây là tranh

chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Văn Q có nơi cư trú tại ấp X, xã R, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn Q vắng mặt. Toà án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu đã tiến hành tống đạt hợp lệ các quyết định tố tụng dân sự cho anh Q để tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án theo yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị T và anh Q theo quy định, nhưng anh Q vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T và anh Q.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh Q xây dựng hôn nhân gia đình vào năm 2009, đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã R, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và đã được Uỷ ban nhân dân xã R, huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/10/2015. Vì thế, hôn nhân giữa chị T và anh Q là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Chị T xác định: Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh Q là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xung đột, cự cải nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 07 năm 2019 đến nay.Từ khi sống ly thân với nhau, chị T và anh Q đã dùng nhiều biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thể hàn gắn được, nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân muốn tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện; vợ chồng phải biết thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, chị T và anh Q không biết tôn trọng nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, mà thường xuyên cự cãi nhau, dẫn đến hiện tại chị T và anh Q đã phát sinh những mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Đối với anh Q, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng nhiều lần tiến hành triệu tập hợp lệ anh Q đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử, nhưng anh Q vẫn vắng mặt không có lý do. Trong suốt quá trình xét xử vụ án, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Q, không có nguyện vọng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Văn Q.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị T và anh Q có 02 (hai) con chung tên: Nguyễn Phước L, sinh ngày 01/01/2010; Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 18/10/2016. Hiện cháu L và cháu T1 đang sống cùng với chị T, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu L và cháu T1. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Q vắng mặt, không có ý kiến.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

" *2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.*

Xét thấy, tại thời điểm giải quyết, cháu L và cháu T1 đã đủ 07 tuổi trở lên, nên cần phải xem xét nguyện vọng của cháu L và cháu T1 để giao các cháu cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng.Tại bản tự khai của cháu L (BL 28) và biên bản ghi nhận ý kiến cháu T1 (BL 29), cháu L và cháu T1 đều có nguyện vọng được sống cùng với chị T. Chị T cũng có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu L và cháu T1. Hơn nữa, cháu L và cháu T1 hiện đang sống ổn định cùng với chị T. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của cháu L và cháu T1, đồng thời, đảm bảo sự phát triển bình thường và không làm xáo trộn môi trường sống của các cháu ảnh hưởng đến sự phát triển về tâm sinh lý của cháu L và cháu T1, nên cần tiếp tục giao cháu L và cháu T1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định chị T và anh Q không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, chị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của Kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1/- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Văn Q, xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Q.

2/- Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Phước L, sinh ngày 01/01/2010 và cháu Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 18/10/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị T không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/- Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị Nguyễn Thị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004932 ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoà Bình được chuyển thu.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Mỹ Xuyên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- THADS huyện Hòa Bình;
- UBND xã R;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;